

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ - ST

Ngày 28/6/2019.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Quyết, ông Nguyễn Đình Phong.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng –Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ch, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã N T, thành phố N, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Phùng Gia Tr, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị Ch có mặt, anh Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Ch trình bày: Giữa chị Ch và anh Phùng Gia Tr có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/02/2012 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới chị Ch và anh Tr về chung sống với nhau tại nhà anh Tr ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Tr vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù. Sau khi ra tù, anh Tr vẫn ham chơi, không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị Ch và gia đình đã khuyên bảo nhưng không được. Do mâu thuẫn nặng nên từ tháng 3/2019 chị Ch đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ph, xã N T, thành phố N để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị Ch xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Phùng Gia Tr.

Về con chung, theo chị Ch khai vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Phùng Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2012. Kể từ khi ly thân đến nay cháu Nh ở với chị Ch. Khi ly hôn chị Ch đề nghị Tòa án giao cháu Phùng Tuyết Nh cho chị Ch tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tr phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ch trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2019, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phùng Gia Tr trình bày: Việc kết hôn giữa anh và chị Ch đúng như chị Ch trình bày nêu trên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tráng vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù là đúng. Mặc dù trong thời gian chấp hành án, cô Ch có đến thăm nuôi nhưng đúng là tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Anh Tr cũng thừa nhận sau khi ra tù nhưng anh không tu chí làm ăn càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng nặng thêm. Thực tế là vợ chồng tôi đã ly thân từ khi anh Tr đi chấp hành án lần thứ hai năm 2018 cho đến nay là đúng. Quá trình giải quyết vụ án anh Tr đã đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng hoà giải, nhưng trong thời gian đó anh Tr cũng thừa nhận không có biện pháp nào để hoà giải hàn gắn quan hệ vợ chồng. Anh Tr xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tr trình bày vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Phùng Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2012. Kể từ khi ly thân đến nay cháu Nh ở với chị Ch. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Tr đề nghị Tòa án giao cháu Nh cho chị Ch tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, và anh Tr không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng, anh Tr khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung.

Tại phiên toà, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phùng Gia Tr có địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Lê Thị Ch và anh Phùng Gia Tr là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại nhà anh Tráng ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Tr vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù. Sau khi ra tù, anh Tr vẫn ham chơi, không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị Ch và gia đình đã khuyên bảo nhưng không được. Từ tháng 3/2019 chị Ch đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ph, xã N T, thành phố N để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án anh Tr đã đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng hoà giải và Tòa án đã tạo điều kiện nhưng trong thời gian đó anh Tr cũng thừa nhận không có biện pháp hữu hiệu nào để hoà giải hàn gắn quan hệ vợ chồng. Bản thân anh Tr tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa anh Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh Tr cũng không thực sự muốn đoàn tụ. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Lê Thị Ch và anh Phùng Gia Tr đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ch xử cho chị Lê Thị Ch được ly hôn anh Phùng Gia Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do các đương sự cùng trình bày thống nhất nên Tòa án xác định chị Lê Thị Ch và anh Phùng Gia Tr có 01 con chung, cháu tên là Phùng Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2012. Chị Ch yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhung, không yêu cầu anh Tr phải đóng góp tiền nuôi con chung. Xét thực tế kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Nh ở với chị Ch, đồng thời anh Tr cũng có ý kiến là nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì anh Tr cùng đề nghị Tòa án giao cháu Nh cho chị Ch tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh Tr không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Ch, giao cho chị Lê Thị Ch tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Tuyết Nh và không buộc anh Tr phải đóng góp tiền nuôi con chung là thoả đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các bên đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung, công nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ch phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273

Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị Ch được ly hôn vắng mặt anh Phùng Gia Tr.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Ch tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2012 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Anh Tr không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Ch phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001186 ngày 12/3/2019.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC